

Chất lượng cuộc sống của lao động nhập cư thành phố Hồ Chí Minh

Nguyễn Hồng Nga, Nguyễn Thị Thu Trang*



Use your smartphone to scan this QR code and download this article

TÓM TẮT

Di chuyển lao động là xu hướng tất yếu trong quá trình phát triển và lao động nhập cư trở thành lực lượng quan trọng đóng góp trong tăng trưởng kinh tế. Nghiên cứu với mục đích làm rõ chất lượng cuộc sống của lao động nhập cư nhằm làm cơ sở khoa học cho các chính sách khuyến khích tác động tích cực từ lao động nhập cư. Bằng mô hình cấu trúc tuyến tính và dữ liệu khảo sát 394 lao động Tp.HCM bao gồm 253 lao động nhập cư và 141 lao động địa phương, chất lượng cuộc sống của người lao động được đánh giá bằng đáp ứng các nhu cầu cuộc sống hay thỏa mãn các khía cạnh cuộc sống; phân tích mối quan hệ giữa các khía cạnh này qua trung gian hòa nhập cuộc sống với kết quả đạt được như thay đổi thu nhập và trình độ, nỗ lực để ở lại; so sánh giữa lao động nhập cư và lao động địa phương, lao động nhập cư ở Tp.HCM dưới 10 năm và trên 10 năm. Kết quả chứng minh rằng chỉ có việc làm, nhà ở và hỗ trợ xã hội trực tiếp tác động đến hòa nhập cuộc sống và gián tiếp tác động mạnh nhất lần lượt đến nỗ lực ở lại, thay đổi thu nhập và trình độ, đồng thời nỗ lực ở lại và thu nhập tốt có tác động qua lại. Kết quả cũng chứng minh rằng có khác biệt tác động giữa nhóm nhập cư và nhóm địa phương nhưng không có khác biệt giữa nhóm nhập cư dưới 10 năm và trên 10 năm.

Từ khóa: Chất lượng cuộc sống, lao động nhập cư, hòa nhập cuộc sống, di chuyển lao động

GIỚI THIỆU

Di cư đến các đô thị lớn như Tp.HCM là xu thế tất yếu trong quá trình phát triển và lao động nhập cư (LĐNC) trở thành lực lượng quan trọng đóng góp trong tăng trưởng kinh tế ở nơi đến. Đặc điểm của LĐNC sẽ tạo ra lợi tức đối với tăng trưởng từ tham gia lực lượng lao động và các loại hình công việc, tăng thu nhập và tiết kiệm, tăng cấu hàng hóa - dịch vụ¹⁻³. Tuy nhiên, LĐNC có xu hướng ngày càng trẻ, trình độ học vấn thấp, tiêu dùng tiết kiệm và tích lũy thu nhập để gửi về cho người thân, việc làm và thu nhập không ổn định, trẻ em không được đến trường, điều kiện sống không được đảm bảo⁴⁻⁶ nên chưa thực sự tạo ra lợi tức đối với tăng trưởng. Bên cạnh đó, di cư cũng là chiến lược sinh kế của các hộ gia đình nông thôn, tình trạng cuộc sống khó khăn ở nơi đi đã thúc đẩy lao động di cư nhưng tình trạng cuộc sống ở nơi đến cũng thúc đẩy không ít lao động tiếp tục di cư hay hồi cư. LĐNC này sẽ mang theo vốn con người, vốn tài chính tích lũy được sau khoảng thời gian sinh sống ở nơi đến, gây ra các biến động như khi mới đến và làm thất thoát lợi tức đối với tăng trưởng. Ngoài ra, các địa phương đã có các giải pháp như xây dựng các rào cản để ngăn chặn dòng di cư bằng quy định hộ khẩu, cấm xe máy vào đô thị,... hay xây dựng chính sách để hỗ trợ bằng dự án nhà ở xã hội, giới thiệu việc làm,... nhưng thực tế cho thấy các giải pháp này chưa hiệu quả, làm LĐNC gặp nhiều khó khăn hơn và làm

giảm lợi tức đối với tăng trưởng. Thực tế cho thấy tình trạng cuộc sống ảnh hưởng đến khả năng đóng góp và ý định ở lại đóng góp lâu dài cho nơi đến, nghiên cứu về tình trạng cuộc sống và ý định ở lại lâu dài là cần thiết và là cơ sở khoa học để xây dựng các chính sách khuyến khích tác động tích cực từ LĐNC.

Các báo cáo định kỳ của Tổng cục Thống kê và Quỹ dân số Liên hợp quốc trong thời gian qua đã có nhiều minh chứng cho thấy đặc điểm của LĐNC thay đổi theo thời gian nhưng thực tế lại có rất ít nghiên cứu được thực hiện trong thời gian gần đây. Bên cạnh đó, báo cáo chuyên sâu của Tổng cục Thống kê và Quỹ dân số Liên hợp quốc (2016) đo lường mức độ hài lòng của LĐNC theo nhiều khía cạnh cuộc sống nhưng chưa đo lường các mối quan hệ xã hội và chưa làm rõ khía cạnh nào đáp ứng tốt nhất nhu cầu cuộc sống và có ý nghĩa quan trọng nhất đối với LĐNC⁶. Ngược lại, các nghiên cứu xác định nhân tố quan trọng nhưng chỉ mới tập trung vào một vài khía cạnh cuộc sống, như đáp ứng nguồn cung lao động thiếu hụt ở thành thị, lựa chọn công việc kinh doanh hay làm công ăn lương, chất lượng việc làm⁷⁻⁹. Lê Bạch Dương và cộng sự. (2010) nghiên cứu khác biệt giữa qui định và thực thi chính sách bảo trợ xã hội và kết luận khác biệt này làm tăng rủi ro cuộc sống, LĐNC bị giới hạn về lựa chọn việc làm và khu vực làm việc nếu dựa vào mạng lưới xã hội¹⁰, trong khi các nghiên cứu khác lại đánh giá cao vai trò của mạng lưới xã hội. Ngan và Pincus (2011)

Trường Đại học Kinh tế - Luật, ĐHQG-HCM

Liên hệ

Nguyễn Thị Thu Trang, Trường Đại học Kinh tế - Luật, ĐHQG-HCM

Email: trangntt@uel.edu.vn

Lịch sử

- Ngày nhận: 25/10/2019
- Ngày chấp nhận: 13/01/2020
- Ngày đăng: 07/07/2020

DOI: 10.32508/stdjelm.v4i3.635



Bản quyền

© ĐHQG Tp.HCM. Đây là bài báo công bố mở được phát hành theo các điều khoản của the Creative Commons Attribution 4.0 International license.



Trích dẫn bài báo này: Nga N H, Trang N T T. **Chất lượng cuộc sống của lao động nhập cư thành phố Hồ Chí Minh.** *Sci. Tech. Dev. J. - Eco. Law Manag.*; 4(3):786-799.

đo lường tài sản lúc mới đến nhưng chỉ tập trung vào nhóm LĐNC dưới 6 tháng, Loc và cộng sự. (2017) đề cập đến khả năng tiếp cận phúc lợi xã hội nhưng chỉ tập trung vào nhóm công nhân nhập cư^{11,12}. Ngoài ra, các nghiên cứu trên đều chưa xem xét mối quan hệ giữa tình trạng cuộc sống, kết quả kinh tế và ý định ở lại lâu dài.

Một số nghiên cứu cũng có kết luận khác biệt. Nguyễn Thị Thái Châu (2019) chứng minh rằng việc làm, thu nhập và tiếp cận dịch vụ là không có ý nghĩa thống kê, trong khi Loc và cộng sự. (2017) cho rằng cơ hội việc làm và điều kiện sinh sống tốt hơn có ý nghĩa thống kê đối với ý định ở lại lâu dài^{12,13}. Dustmann và Gorlach (2016) chứng minh rằng đây là mối quan hệ phức tạp đa chiều, kết luận rằng ý định di cư có tác động đến kết quả kinh tế và ngược lại¹⁴, các nghiên cứu khác cho rằng dự định độ dài thời gian sinh sống ở nơi đến và hành vi kinh tế là độc lập với nhau và bỏ qua tác động này. Đồng thời, hầu hết các nghiên cứu trong nước đo lường ý định ở lại lâu dài bằng nhận định chủ quan, Dustmann và Gorlach (2016) đo lường bằng độ dài thời gian sinh sống¹⁴.

Tiếp cận từ kết quả của Dustmann và Gorlach (2016), nghiên cứu mong muốn đánh giá mối quan hệ tác động qua lại giữa tình trạng cuộc sống, kết quả kinh tế và ý định ở lại lâu dài, đồng thời xác định khía cạnh nào của cuộc sống có ý nghĩa tác động trực tiếp đến tình trạng cuộc sống và gián tiếp đến kết quả kinh tế, ý định ở lại lâu dài của LĐNC Tp.HCM. Việc xác định khía cạnh cuộc sống quan trọng sẽ là cơ sở kiến nghị các chính sách ưu tiên nhằm ổn định cuộc sống góp phần khuyến khích tác động tích cực từ nhóm lao động này.

CƠ SỞ LÝ THUYẾT VÀ KHUNG PHÂN TÍCH

Theo Tổ chức Châu Âu về cải thiện điều kiện sống và làm việc (2004), *chất lượng cuộc sống* là một tập hợp bao gồm các điều kiện sống cơ bản hay các cơ hội của cá nhân có được như *việc làm, nhà ở, giáo dục, sức khỏe,...*¹⁵. Một số nghiên cứu cũng xây dựng thang đo chi tiết đo lường các khía cạnh này của *tình trạng cuộc sống*. Mô hình IIM được xây dựng năm 2016 với mục đích đánh giá *quá trình hội nhập* của LĐNC ở Gdansk Ba Lan nhằm xác định nhu cầu và vấn đề của LĐNC, đánh giá các nguồn lực và khả năng sẵn có để đáp ứng nhu cầu và giải quyết vấn đề, bao gồm: *giáo dục, cộng đồng địa phương, văn hóa, bạo lực và phân biệt chủng tộc, sức khỏe, việc làm, trợ giúp xã hội và nhà ở*¹⁶. Chỉ số CIMI được xây dựng lần đầu tiên vào năm 2017 nhằm mục đích cung cấp thước đo đánh giá *tình trạng cuộc sống* của LĐNC so với xã hội nơi nhập

cư và đo lường bằng 4 nhóm chỉ số: *kinh tế (việc làm, tiền lương, nhà ở), xã hội (kết nối bạn bè – địa phương), sức khỏe (chăm sóc sức khỏe, chi phí y tế, áp lực cuộc sống) và tham gia xã hội dân sự (thiên nguyện, các tổ chức, hội nhóm, bầu cử)*¹⁷. Nghiên cứu của OECD và EU (2018) cho rằng *hòa nhập cuộc sống* là khả năng của LĐNC đạt được các kết quả kinh tế - xã hội tương đồng với lao động địa phương (LĐĐP) nếu có cùng đặc điểm cá nhân và được đo lường bằng 3 khía cạnh: *kỹ năng của LĐNC và hòa nhập trên thị trường lao động (giáo dục, ngoại ngữ, đào tạo, chất lượng việc làm), điều kiện sống (thu nhập, nhà ở, tình trạng sức khỏe và tham gia hệ thống chăm sóc sức khỏe), tham gia hoạt động dân sự và hòa nhập xã hội (bầu cử, phân biệt chủng tộc,...)*¹⁸. Một cách hệ thống và nền tảng hơn, Ager và Strang (2004, 2008) cũng mô tả kết quả quá trình *hòa nhập cuộc sống* bằng 4 nhân tố với 10 khía cạnh cuộc sống theo dõi tại Bảng 1.

Chiswick (1978) là người tiên phong thực hiện nghiên cứu thực nghiệm về hòa nhập kinh tế và đo lường bằng hội tụ tiền lương giữa LĐNC và LĐĐP, Chiswick gọi đây là hòa nhập trên thị lao động và kết luận rằng *thu nhập* của LĐNC phụ thuộc vào *vốn con người tích lũy ở nơi đến và độ dài thời gian sinh sống ở nơi đến*²¹. Borjas (1985, 2014) cho rằng hòa nhập kinh tế là sự hội tụ theo thời gian giữa LĐNC và LĐĐP về *kết quả kinh tế* như *cơ hội việc làm và thu nhập*, Borjas kết luận khả năng hòa nhập của LĐNC giảm dần theo thời gian và do đó sẽ phụ thuộc nhiều hơn vào *chương trình phúc lợi xã hội* hay *bảo trợ xã hội*^{21,22}. Ngoài ra, nghiên cứu thực nghiệm gần đây của Dustmann và Gorlach (2016) cũng đo lường *kết quả kinh tế* của LĐNC bằng *việc làm, tiền lương, tiết kiệm, nghề nghiệp, giải trí, tiêu dùng và đầu tư vốn con người*; và đo lường *ý định ở lại lâu dài hay tạm thời* bằng *độ dài thời gian sinh sống ở nơi đến*; Qiu và cộng sự. (2011), Ren và Folmer (2016) đo lường *tình trạng kinh tế - xã hội* của LĐNC bằng *thu nhập và trình độ giáo dục*^{14,23,24}.

Như vậy có thể hiểu, *chất lượng cuộc sống* được phản ánh qua *tình trạng cuộc sống và hòa nhập cuộc sống*, trong đó các khía cạnh cuộc sống được đo lường bằng tất cả các khía cạnh như tham gia thị trường lao động (việc làm), tiêu dùng hàng hóa - dịch vụ công (giáo dục, y tế, nhà ở), hình thành gắn kết xã hội (các mối quan hệ xã hội, các hoạt động dân sự - xã hội - chính trị), và thực thi quyền công dân (tiếng nói, bình đẳng); và hòa nhập cuộc sống được đo lường bằng các kết quả đạt được (thu nhập, trình độ giáo dục), ý định ở lại lâu dài (độ dài thời gian sinh sống ở nơi đến). Nghiên cứu giới hạn trong phạm vi kinh tế nên tình trạng cuộc sống được đánh giá theo các khía cạnh trên nhưng không bao gồm tham gia các hoạt động dân sự

Bảng 1: Thang đo hòa nhập cuộc sống ^{19,20}

1. Phương tiện và dấu hiệu	Việc làm	Nhà ở	Giáo dục	Sức khỏe
2. Kết nối xã hội	Các cầu nối xã hội		Các tương trợ xã hội	Các liên kết xã hội
3. Các khuyến khích	Ngôn ngữ và văn hóa			An toàn và ổn định
4. Các nền tảng	Các quyền công dân			

- xã hội - chính trị và thực thi quyền công dân, bên cạnh đó các kết quả kinh tế được đánh giá theo thay đổi thu nhập và trình độ giáo dục qua so sánh giữa LĐNC và LĐĐP, giữa LĐNC sinh sống ở Tp.HCM dưới 10 năm và trên 10 năm, đồng thời khác với các nghiên cứu khác, ý định ở lại được đánh giá bằng hành vi tích cực thay đổi để thích nghi với cuộc sống ở nơi đến.

Tình trạng cuộc sống, kết quả đạt được và ý định ở lại có mối quan hệ đa chiều phức tạp ^{14,18,24}. *Tình trạng việc làm* là khía cạnh quan trọng đầu tiên và luôn được xem xét trong tất cả các nghiên cứu, được đo lường cụ thể bằng *chất lượng việc làm* ^{9,18,25}. OECD và EU (2018) chứng minh *tiếp cận việc làm* tác động thuận chiều đến *tình trạng thu nhập* và kết luận rằng LĐNC khó hòa nhập được vào thị trường lao động do tình trạng đối xử phân biệt, và do đó tỉ lệ nghèo của nhóm LĐNC có xu hướng ngày càng tăng và cách biệt ngày càng lớn so với nhóm LĐĐP ¹⁸. *Loc và cộng sự*. (2013) chứng minh *độ dài thời gian sinh sống ở nơi đến* có tác động thuận chiều đến *tình trạng việc làm*, ngược lại *Loc và cộng sự*. (2017) chứng minh rằng *cơ hội việc làm* có tác động thuận chiều đến *độ dài thời gian sinh sống ở nơi đến* ^{9,12}. *Liu và cộng sự* (2016) với mục tiêu nghiên cứu mối quan hệ hai chiều giữa *tình trạng nhà ở* và *ý định ở lại* đã chứng minh rằng *tiếp cận nhà ở* không có tác động thúc đẩy *ý định ở lại* của LĐNC, nhưng nếu LĐNC có *ý định ở lại* thì sẽ cố gắng *tiếp cận nhà ở* ²⁶. Bên cạnh đó, *Ren và Folmer* (2016) cho rằng *tình trạng nhà ở* của LĐNC, các tiện ích địa phương như *giáo dục, y tế, khu mua sắm, vui chơi giải trí* và *chất lượng môi trường sống* có tác động thuận chiều đến sự hài lòng về cộng đồng dân cư nơi đến, và do đó sẽ có ít động cơ để di chuyển ra khỏi cộng đồng đó và *gắn kết hơn với cộng đồng đó* ²⁴. Ngoài ra, *Adul và Muhmin* (2010) cũng xem xét *không gian sống* là nhu cầu thiết yếu, không chỉ đáp ứng nhu cầu vật chất mà còn đáp ứng nhu cầu tâm lý của con người ²⁴. Vì vậy, nghiên cứu kỳ vọng rằng *tình trạng cuộc sống* như *tiếp cận thị trường lao động, nhà ở, tiện ích địa phương, gắn kết xã hội* có tác động thuận chiều đến *kết quả đạt được tình trạng cuộc sống, kết quả đạt được* có tác động tương hỗ, thuận chiều đến *ý định ở lại* (Hình 1).

Giả thuyết nghiên cứu:

H₁: Tình trạng cuộc sống tác động đến hòa nhập cuộc sống

H_{2,3}: Hòa nhập cuộc sống tác động đến tình trạng thu nhập, giáo dục

H₄: Hòa nhập cuộc sống tác động đến ý định ở lại lâu dài

H₅: Ý định ở lại lâu dài tác động đến hòa nhập cuộc sống

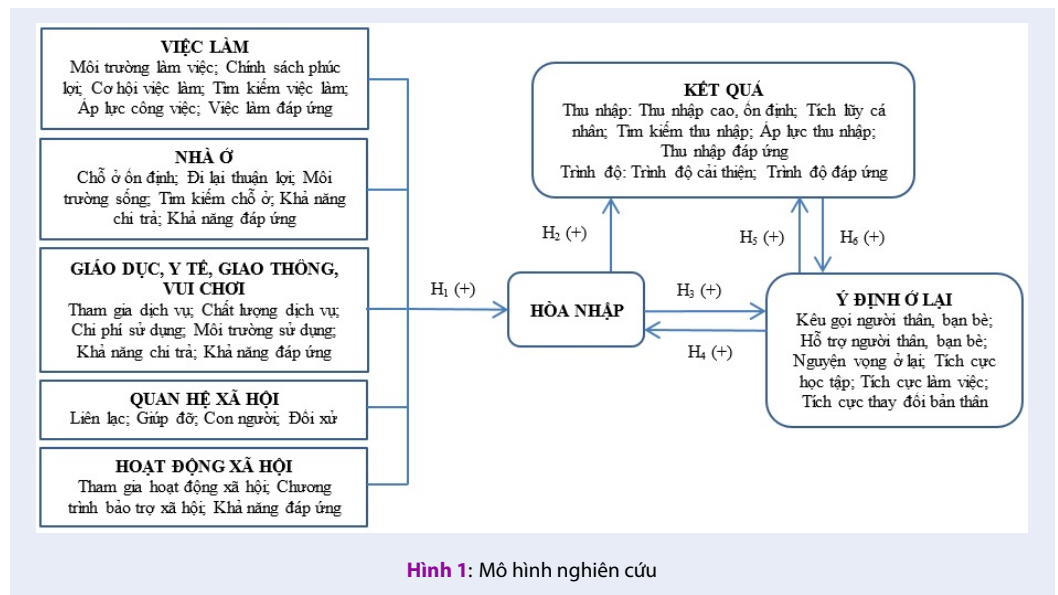
H₆: Ý định ở lại lâu dài tác động đến tình trạng thu nhập, giáo dục

PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Để làm rõ mối quan hệ đa chiều và đa khía cạnh trong mô hình trên, nghiên cứu sử dụng phương pháp nghiên cứu định lượng qua phân tích mô hình hồi qui cấu trúc tuyến tính SEM ^{27,28}. *Tình trạng cuộc sống, kết quả đạt được* và *ý định ở lại lâu dài* là các nhân tố đo lường từ các biến quan sát được đánh giá theo thang đo Likert 5 mức độ, với 1 là rất không được thỏa mãn hay đáp ứng và 5 là rất được thỏa mãn hay đáp ứng. *Hòa nhập cuộc sống* là nhân tố tiềm ẩn được hình thành từ mô hình cấu trúc.

Với số nhân tố độc lập như mô hình theo Hình 1, cỡ mẫu tối thiểu là 150 quan sát nếu sử dụng hệ số tải từ 0,5 hoặc 300 quan sát nếu hệ số tải từ 0,45 trở lên theo phân tích cấu trúc, hoặc $n=5 \times \text{Số biến quan sát}=400$ theo phân tích nhân tố ²⁹, do đó nghiên cứu lựa chọn cỡ mẫu cần thiết ban đầu là 400 quan sát. Khi khảo sát thực tế, nghiên cứu thực hiện lấy mẫu phân tầng theo các quận huyện với tỉ lệ lấy mẫu tại mỗi quận huyện tương ứng với mật độ tập trung LĐNC ở Tp.HCM ³⁰ kết hợp với lấy mẫu ngẫu nhiên định mức theo giới tính, độ tuổi và thời gian sinh sống ở Tp.HCM, sau đó tiếp cận ngẫu nhiên các đối tượng và tiến hành phỏng vấn trực tiếp theo bảng hỏi được thiết kế sẵn, kết quả thu thập được dữ liệu từ 394 lao động, bao gồm 253 LĐNC và 141 LĐĐP từ 23 tuổi trở lên - độ tuổi chính thức tham gia thị trường lao động khi tốt nghiệp đại học, đang có việc làm hoặc đang thất nghiệp, có nơi sinh ở tỉnh thành khác Tp.HCM.

Sau khi kiểm tra độ tin cậy dữ liệu và tương quan giữa các biến quan sát theo hệ số Cronbach's Alpha, nghiên cứu tiến hành phân tích mô hình đo lường bằng phương pháp phân tích nhân tố khám phá và nhân tố khẳng định, phân tích và kiểm định mô hình



cấu trúc theo các chỉ số CMIN/df, GFI, TLI, CFI và RMSE. Kết quả mô hình cấu trúc tối ưu sẽ được sử dụng để phân tích khác biệt giữa các nhóm.^{27-29,31,32}

KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ THẢO LUẬN KẾT QUẢ

Kết quả kiểm định

Kiểm định độ tin cậy thang đo có 2 biến quan sát thuộc thang đo nhân tố Quan hệ xã hội và 3 biến quan sát thuộc thang đo nhân tố Ý định ở lại bị loại, các thang đo khác đảm bảo yêu cầu. Nghiên cứu tiếp tục thực hiện phân tích nhân tố khám phá và loại 19 biến quan sát, các biến quan sát còn lại được trích thành 13 nhân tố ngoại sinh và 4 nhân tố nội sinh được đặt tên lại như tại Bảng 2 và 3.

Bảng 2: Thang đo nhân tố ngoại sinh mới từ phân tích nhân tố

Nhân tố và thang đo	Ký hiệu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
Việc làm	vlam													
Điều kiện làm việc, môi trường làm việc	vlam1	0,745												
Môi trường làm việc	vlam2	0,722												
Chính sách phúc lợi	vlam3	0,693												
Cơ hội đào tạo	vlam4	0,676												
Cơ hội thăng tiến	vlam5	0,674												
Cơ hội học hỏi	vlam6	0,651												
Cơ hội phát huy	vlam7	0,563												
Chỗ ở	nhaodapung													
Chỗ ở ổn định	nhao1		0,793											
Chỗ ở đi lại thuận lợi	nhao2		0,694											
Chỗ ở rộng rãi, thoáng mát	nhao3		0,682											
Không gian chung rộng rãi, thoáng mát	nhao4		0,629											
Chi phí chỗ ở	nhaocphi													
Chi phí chỗ ở thấp	cocphithap			0,972										
Chi phí chỗ ở phù hợp với khả năng chi trả	cocphikntra			0,953										
Chi phí chỗ ở phù hợp với thị trường	cocphitruong			0,892										
Giáo dục	gduc													
Bản thân tham gia thuận lợi, dễ dàng	ducong1				0,748									
Người thân tham gia thuận lợi, dễ dàng	ducong2				0,717									
Chất lượng giáo dục tốt, đảm bảo	ducong3				0,689									
Chi phí giáo dục phù hợp khả năng chi trả	ducong4				0,541									
Không gian học tập thoải mái, dễ chịu	ducong5				0,539									
Y tế	yte													
Bản thân tham gia thuận lợi, dễ dàng	ducong6					0,998								
Người thân tham gia thuận lợi, dễ dàng	ducong7					0,721								
Giáo dục – y tế đáp ứng	gdytdapung													
Nhu cầu học tập được đáp ứng	gdncau						0,694							

Continued on next page

6

Table 2 continued

Nhu cầu khám chữa bệnh được đáp ứng	ytncau	0,654	
Giáo dục được cải thiện nơi ở trước đây	gdcthien	0,612	
Y tế được cải thiện tốt hơn nơi ở trước đây	ytcthien	0,557	
Giao thông	gthong		
Thuận lợi, dễ dàng tham gia giao thông đa dạng	dvcong11	0,821	
Thuận lợi, dễ dàng tham gia giao thông kết nối	dvcong12	0,748	
Giải trí	gtri		
Thuận lợi, dễ dàng lựa chọn hình thức đa dạng	dvcong15	0,624	
Thuận lợi, dễ dàng đến các khu vui chơi	dvcong16	0,549	
Giải trí đáp ứng	gtridapung		
Nhu cầu vui chơi, giải trí được đáp ứng	vcncau	0,700	
Chi phí vui chơi phù hợp khả năng chi trả	vcknctra	0,692	
Bản thân tham gia thuận lợi, dễ dàng	vcde	0,579	
Cảnh quan	canhquan		
Các khu vui chơi tốt, đảm bảo	dvcong17	0,785	
Không gian rộng rãi, thoáng mát	dvcong18	0,712	
Môi trường sạch sẽ, không khí trong lành	dvcong19	0,646	
Có nhiều cảnh quan đẹp	dvcong20	0,633	
An ninh trật tự, an toàn xã hội	dvcong21	0,627	
Mật độ thưa thớt	dvcong22	0,537	
Quan hệ bạn bè	xhqhe		
Liên lạc thường xuyên với bạn bè cùng quê	xhban	0,827	
Liên lạc thường xuyên với bạn bè khác quê	xhbankhac	0,617	
Quan hệ cộng đồng	xhconnguoi		
Con người thân thiện, hòa đồng, gần gũi	qhxxh5	0,915	
Con người luôn quan tâm, sẵn sàng giúp đỡ	qhxxh6	0,749	
Hỗ trợ	xhhtro		
Thường xuyên hỗ trợ người thân, bạn bè	qhxxh3	0,858	
Thường xuyên nhận hỗ trợ từ người thân, bạn bè	qhxxh4	0,637	

Kết quả phân tích nhân tố khẳng định có các chỉ số: Chi-square/df=1,957 (<3), GFI=0,805; TLI=0,860; CFI=0,878 (>0,80); RMSEA=0,049 (<0,50); tuy nhiên biến quan sát nhao2 có hệ số hồi qui không có ý nghĩa thống kê ở mức ý nghĩa 5% nên bị loại khỏi mô hình. Sau khi loại biến, các chỉ số được cải thiện hơn cho thấy mô hình tốt hơn và chấp nhận được, lần lượt là 1,828, 0,822, 0,881, 0,896 và 0,046.

Nghiên cứu tiếp tục thực hiện phân tích cấu trúc tuyến tính, kết quả ban đầu có các chỉ số đáp ứng yêu cầu nhưng một số biến chỉ báo có hệ số hồi qui không có ý nghĩa thống kê ở mức ý nghĩa 5% và lần lượt bị loại khỏi mô hình. Kết quả cuối cùng có các chỉ số kiểm định và hệ số hồi qui đáp ứng yêu cầu tại Hình 2, khi đó nghiên cứu tiếp tục thực hiện kiểm định Bootstrap và mặc dù còn 2 nhân tố có chỉ số CR>2, các nhân tố khác có CR<2, và do đó mô hình cấu trúc và dữ liệu thực tế về tổng thể là phù hợp tại Bảng 4.

Kết quả mô hình

Mô hình cấu trúc tối ưu với các hệ số hồi qui chuẩn hóa theo Hình 2.

Tác động trực tiếp

Tác động mạnh nhất giữa các mối quan hệ chính là mối quan hệ một chiều HOANHAP và NOLUCOLAI ($\beta = 2,07$) theo Hình 2. Trong điều kiện các yếu tố khác không đổi, nếu người lao động hòa nhập cuộc sống càng tốt thì sẽ hành động tích cực hơn để ở lại Tp.HCM, như nỗ lực nâng cao trình độ, tích lũy kinh nghiệm, tích cực làm việc, tích cực thay đổi bản thân. HOANHAP có tác động đến TNHAPPHUHOP, TDOPHUHOP, không tác động đến TNHAPTOT; ngược lại, NOLUCOLAI không tác động đến TNHAPPHUHOP, TDOPHUHOP, nhưng có tác động đến TNHAPTOT. Nếu người lao động hòa nhập cuộc sống tốt hơn thì thu nhập sẽ phù hợp với năng lực, nguyện vọng và xu hướng thị trường, và trình độ sẽ cải thiện, phù hợp với yêu cầu công việc, xã hội, cuộc sống; nhưng nếu người lao động nỗ lực nâng cao trình độ, tích lũy kinh nghiệm, tích cực làm việc, tích cực thay đổi bản thân để ở lại Tp.HCM thì thu nhập sẽ tốt hơn, có tiết kiệm hỗ trợ người thân, bạn bè.

NOLUCOLAI và TNHAPTOT có mối quan hệ tương hỗ ($\beta = 1,42, \beta = -1,88$) tại Hình 2. Nếu người lao động càng nỗ lực nâng cao trình độ, tích lũy kinh nghiệm, tích cực làm việc, tích cực thay đổi bản thân để ở lại Tp.HCM thì thu nhập sẽ tốt hơn, có tiết kiệm để hỗ trợ người thân, bạn bè; ngược lại, khi người lao động có thu nhập tốt, có tiết kiệm để hỗ trợ người thân, bạn bè thì sẽ ít nỗ lực nâng cao trình độ, tích lũy

kinh nghiệm, tích cực làm việc, tích cực thay đổi bản thân để ở lại Tp.HCM hơn.

HOANHAP bị tác động bởi vlam, nhaodapung, xhhtro, trong đó bị tác động mạnh nhất lần lượt là vlam ($\beta = 0,48$), xhhtro ($\beta = 0,41$), nhaodapung ($\beta = 0,17$) tại Hình 2. Đối với người lao động Tp.HCM, để hòa nhập cuộc sống tốt hơn thì điều kiện và môi trường làm việc, chính sách phúc lợi và cơ hội việc làm là quan trọng nhất. Điều kiện chỗ ở lại ít quan trọng nhất, trái với quan niệm truyền thống “an cư lạc nghiệp”, cho thấy có thể người lao động đã thay đổi quan điểm sở hữu nhà hay nhà thuê theo hướng tích cực hơn, chấp nhận sinh sống trong không gian hẹp theo đặc thù của Tp.HCM. Đồng thời, hỗ trợ và giúp đỡ qua lại giữa người thân, bạn bè ít quan trọng như việc làm nhưng lại quan trọng hơn chỗ ở.

Tác động gián tiếp

Kết quả mô hình cấu trúc tối ưu cho thấy có hai tác động gián tiếp từ các khía cạnh cuộc sống (việc làm, nhà ở, hỗ trợ xã hội) đến kết quả cuộc sống (nỗ lực ở lại, thu nhập, trình độ) qua trung gian hòa nhập cuộc sống, trong đó tác động mạnh nhất lần lượt đến thu nhập tốt, nỗ lực ở lại, trình độ phù hợp và thu nhập phù hợp theo Hình 2. Cụ thể như sau:

Các khía cạnh cuộc sống - nỗ lực ở lại: $(0,41+0,17+0,49)*2,07=2,22$

$$vlam, nhaodapung, xhhtro \xrightarrow{0,41; 0,17; 0,49} HOANHAP \xrightarrow{2,07} NOLUCOLAI$$

Các khía cạnh cuộc sống - thu nhập tốt: $(0,41+0,17+0,49)*2,07*1,42=3,15$

$$vlam, nhaodapung, xhhtro \xrightarrow{0,41; 0,17; 0,49} HOANHAP \xrightarrow{2,07} NOLUCOLAI \xrightarrow{1,42} TNHAPTOT$$

Các khía cạnh cuộc sống - thu nhập phù hợp: $(0,41+0,17+0,49)*0,23=0,25$

$$vlam, nhaodapung, xhhtro \xrightarrow{0,41; 0,17; 0,49} HOANHAP \xrightarrow{0,23} TNHAPPHUHOP$$

Các khía cạnh cuộc sống - trình độ phù hợp: $(0,41+0,17+0,49)*0,34=0,36$

$$vlam, nhaodapung, xhhtro \xrightarrow{0,41; 0,17; 0,49} HOANHAP \xrightarrow{0,34} TDOPHUHOP$$

Hòa nhập cuộc sống - thu nhập tốt: $2,07*1,42=2,94$

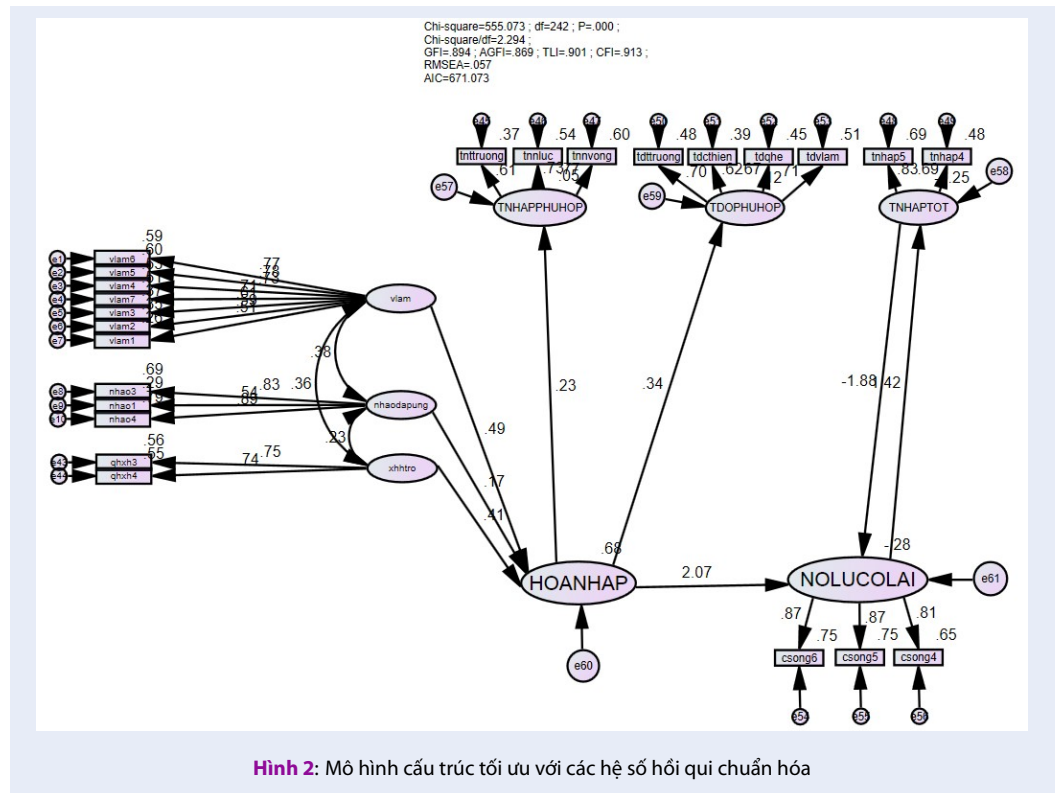
$$HOANHAP \xrightarrow{2,07} NOLUCOLAI \xrightarrow{1,42} TNHAPTOT$$

Bảng 3: Thang đo nhân tố nội sinh mới từ phân tích nhân tố

Nhân tố và thang đo	Ký hiệu	1	2	3	4
Cải thiện trình độ	tdphuhop				
Được cải thiện	tdcthien	0,804			
Phù hợp với việc làm	tdvlam	0,652			
Phù hợp với các mối quan hệ xã hội	tdqhe	0,621			
Phù hợp với xu hướng xã hội	tdttruong	0,608			
Thu nhập phù hợp	tnhapphuhop				
Phù hợp với năng lực	tnnluc		0,790		
Phù hợp với nguyện vọng	tnnvong		0,760		
Phù hợp với xu hướng thị trường	tnttruong		0,560		
Thu nhập tốt	tnhaptot				
Tiết kiệm hỗ trợ được người thân	tnhap4			0,769	
Tiết kiệm hỗ trợ được bạn bè	tnhap5			0,743	
Nỗ lực ở lại	nolucolai				
Nâng cao trình độ, kinh nghiệm để thích nghi tốt hơn	csong4				0,861
Tích cực làm việc để thích nghi tốt hơn	csong5				0,853
Tích cực thay đổi bản thân để thích nghi tốt hơn	csong6				0,831

Bảng 4: Kết quả kiểm định Bootstrap

Tham số	Hệ số	SE	SE-SE	Mean	Bias	SE-Bias	CR
HOANHAP <— vlam	0,487	0,107	0,005	0,497	0,010	0,008	1,25
HOANHAP <— nhaodapung	0,174	0,077	0,004	0,178	0,004	0,005	0,80
HOANHAP <— xhhtro	0,412	0,120	0,006	0,418	0,005	0,008	0,63
NOLUCOLA <— HOANHAP	2,071	0,786	0,039	2,232	0,160	0,056	2,86
TNHAPPHU <— HOANHAP	0,230	0,080	0,004	0,226	-0,004	0,006	-0,67
TDOPHUHC <— HOANHAP	0,343	0,084	0,004	0,344	0,001	0,006	0,17
TNHAPTOT <— NOLUCOLAI	1,425	0,231	0,012	1,456	0,031	0,016	1,94
NOLUCOLA <— TNHAPTOT	-1,884	0,737	0,037	-2,035	-0,151	0,052	-2,90



Khác biệt theo nhóm

Chi-square có p-value=0,016<0,05 nên mô hình khả biến sẽ được chọn tại Bảng 5. Kết quả cho thấy hòa nhập cuộc sống và thu nhập tốt có ý nghĩa tác động đến nỗ lực ở lại trong trường hợp nhóm LĐNC nhưng không có ý nghĩa tác động đối với nhóm LĐĐP, đồng thời mức độ tác động giữa các nhân tố khác của nhóm LĐNC đều thấp hơn nhóm LĐĐP (0,12, 0,29 và 1,09 đối với nhóm LĐNC, 0,39, 0,43 và 2,57 đối với nhóm LĐĐP) tại Bảng 5. Một cách khái quát, trong điều kiện tình trạng cuộc sống hay hòa nhập cuộc sống là như nhau, kết quả cuộc sống của nhóm LĐNC luôn thấp hơn nhóm LĐĐP.

Chi-square có p-value=0,08>0,05 nên mô hình bất biến sẽ được chọn theo Bảng 6. Kết quả cho thấy các hệ số hồi qui đều có ý nghĩa thống kê ở mức ý nghĩa 5% đối với cả 2 nhóm, và mức độ tác động giữa các nhân tố đối với nhóm LĐNC dưới 10 năm so với nhóm trên 10 năm là có cao hơn nhưng không đáng kể, đồng thời nhóm LĐNC mới sẽ nỗ lực nhiều hơn nhóm LĐNC lâu năm (1,37 và 0,59) theo Bảng 6.

THẢO LUẬN KẾT QUẢ

Kết quả nghiên cứu đã chứng minh rằng tình trạng cuộc sống, hòa nhập cuộc sống và nỗ lực ở lại có mối quan hệ đa chiều là phù hợp với kết luận của Dustmann và Gorlach (2016). Nghiên cứu kỳ vọng rằng

tình trạng cuộc sống có tác động đến hòa nhập cuộc sống (H₁) nhưng kết quả cho thấy khái niệm tình trạng cuộc sống nếu được phản ánh bằng việc làm, nhu cầu nhà ở được đáp ứng và hỗ trợ xã hội là có tác động đến hòa nhập cuộc sống; và phản ánh bằng chi phí nhà ở, giáo dục, y tế, giao thông, giải trí, cảnh quan, quan hệ xã hội, con người ở nơi đến sẽ không có tác động đến hòa nhập cuộc sống. Kết quả này là trái với nghiên cứu của Adul và Muhmin (2010) và Ren và Folmer (2016), kết quả này có thể được lý giải bởi các đặc trưng của Tp.HCM, đây là đô thị lớn của cả nước, hội đủ các điều kiện giáo dục, y tế, cơ sở hạ tầng đảm bảo điều kiện sinh sống tốt nhất, và do đó các hàng hóa - dịch vụ công này không còn là vấn đề của hòa nhập cuộc sống, đồng thời người lao động cũng chấp nhận tình trạng quá tải về hàng hóa - dịch vụ công và đổi lại là chất lượng dịch vụ khi lựa chọn đến đây sinh sống và làm việc ở Tp.HCM. Ngoài ra, đây cũng là thành phố năng động nhất nên mức độ cạnh tranh kèm theo áp lực cuộc sống cũng cao hơn, và do đó việc thường xuyên liên lạc với người thân, bạn bè và tham gia các hoạt động xã hội cũng bị hạn chế, người lao động sẽ tập trung vào nỗ lực để thích nghi hơn là gắn kết các mối quan hệ xã hội, con người. Bên cạnh đó, kết quả chứng minh vai trò của việc làm và nhà ở trong cuộc sống của LĐNC là đồng nhất với nghiên cứu của

Bảng 5: Nhóm lao động nhập cư và lao động địa phương

	MH khả biến	MH bất biến	LĐNC		Hệ số	P
Chi-square	916,441	928,663	NOLUCOLAI	<— HOANHAP	1,339	0,960 ***
df	484	488	TNHAPPHUHOP	<— HOANHAP	0,120	0,064 0,13
Chênh lệch			TDOPHUHOP	<— HOANHAP	0,298	0,188 ***
Chi-square		12,222	TNHAPTOT	<— NOLUCOLAI	1,096	1,482 ***
df		4	NOLUCOLAI	<— TNHAPTOT	-	- ***
p-value		0,016	LĐĐP		1,183	0,875
			NOLUCOLAI	<— HOANHAP	8,494	3,043 0,294
			TNHAPPHUHOP	<— HOANHAP	0,439	0,164 0,027
			TDOPHUHOP	<— HOANHAP	0,395	0,126 0,032
			TNHAPTOT	<— NOLUCOLAI	2,579	3,009 0,003
			NOLUCOLAI	<— TNHAPTOT	-	- 0,286
					7,368	6,314

Loc và cộng sự. (2013) và OECD và EU (2018) về việc làm, Ngan và Pincus (2011) về tài sản, Liu và cộng sự. (2016) về nhà ở.

Tuy nhiên, giả thuyết ý định ở lại lâu dài có tác động đến hòa nhập cuộc sống (H₄) là không được chấp nhận và trái với kết luận của Dustmann và Gorlach (2016), giả thuyết ý định ở lại lâu dài có tác động đến thu nhập (H₅) được chấp nhận. Khái niệm ý định ở lại lâu dài chỉ được phản ánh bằng hành vi tích cực thay đổi để ở lại nhưng không được phản ánh bằng hành vi kêu gọi hay hỗ trợ người thân, bạn bè sinh sống ở Tp.HCM và do đó khái niệm này được đặt tên lại là nỗ lực ở lại. Kết quả cho thấy hành vi nỗ lực để ở lại của người lao động vì mục tiêu thu nhập nhưng không vì mục tiêu hòa nhập. Bên cạnh đó, kết quả còn cho thấy nỗ lực ở lại bị tác động ngược lại bởi thu nhập tốt nhưng là nghịch chiều và trái với giả thuyết (H₆), nghĩa là người lao động có thu nhập tốt sẽ ít nỗ lực ở lại hơn. Khái niệm thu nhập tốt được phản ánh bằng thu nhập có tiết kiệm được để hỗ trợ người thân, bạn bè, và do đó người lao động khi đạt mức thu nhập này sẽ không cần nỗ lực thêm để ở lại hoặc sẽ muốn tiếp tục di cư

hay quay về. Kết quả này là phù hợp với kết luận của Loc và cộng sự (2017).

Kết quả còn chứng minh tình trạng cuộc sống, trong đó bao gồm việc làm, có tác động tương đối mạnh đến nỗ lực ở lại là cũng phù hợp với kết luận của Loc và cộng sự (2017). Ngoài ra khi so sánh các nhóm, kết quả cho thấy nhóm LĐNC mới sẽ nỗ lực nhiều hơn nhóm lâu năm để nâng cao trình độ, tích lũy kinh nghiệm, tích cực làm việc, tích cực thay đổi bản thân để ở lại. Kết quả này là phù hợp với kết luận của Chiswick (1978), Borjas (2014), Dustmann và Gorlach (2016) về đầu tư vốn con người của LĐNC khi mới đến.

KẾT LUẬN VÀ HÀM Ý CHÍNH SÁCH

Kết luận

Kết quả phân tích cấu trúc tuyến tính đã chứng minh tình trạng cuộc sống bao gồm việc làm, đáp ứng nhu cầu nhà ở và hỗ trợ xã hội có tác động đến hòa nhập cuộc sống, và hòa nhập cuộc sống có tác động mạnh nhất đến nỗ lực ở lại và cũng có tác động đến thu nhập tốt và trình độ phù hợp, đồng thời, nỗ lực ở lại và thu nhập tốt có mối quan hệ tác động qua lại. Ngoài ra

Bảng 6: Nhóm lao động nhập cư dưới 10 năm và trên 10 năm

	MH khả biến	MH bất biến	Nhóm dưới 10 năm	Hệ số	P	Label
Chi-square	795,864	805,561	NOLUCOLAI <— HOANHAP	1,365	0,902	*** c
df	484	489	TNHAPPHUH <— HOANHAP	0,149	0,080	0,042 a
Chênh lệch			TDOPHUHOF <— HOANHAP	0,253	0,143	0,003
			TNHAPTOT <— NOLUCOLAI	1,051	1,444	*** e
Chi-square		9,697	NOLUCOLAI <— TNHAPTOT	-1,110	-	0,808 *** d
df		5	Nhóm trên 10 năm	Hệ số	P	Label
p-value		0,084	NOLUCOLAI <— HOANHAP	0,591	0,902	*** c
			TNHAPPHUH <— HOANHAP	0,120	0,080	0,042 a
			TDOPHUHOF <— HOANHAP	0,120	0,143	0,003
			TNHAPTOT <— NOLUCOLAI	1,072	1,444	*** e
			NOLUCOLAI <— TNHAPTOT	-1,088	-	0,808 *** d

qua trung gian hòa nhập cuộc sống, tình trạng cuộc sống có tác động gián tiếp mạnh nhất lần lượt đến thu nhập tốt, nỗ lực ở lại, trình độ phù hợp và thu nhập phù hợp. Kết quả phân tích đa nhóm cũng cho thấy có sự khác biệt tình trạng cuộc sống giữa nhóm LĐNC và LĐĐP nhưng không có khác biệt giữa nhóm LĐNC dưới 10 năm và trên 10 năm, trong đó các kết quả cuộc sống của nhóm LĐNC luôn thấp hơn nhóm LĐĐP, và nhóm LĐNC dưới 10 năm luôn nỗ lực nhiều hơn nhóm trên 10 năm. Một cách khái quát, việc làm, nhà ở và hỗ trợ xã hội có ý nghĩa quan trọng, vì vậy giải quyết các nhu cầu này cho nhóm LĐNC Tp.HCM là rất cần thiết.

Hàm ý chính sách

Về việc làm và hỗ trợ xã hội

Tăng cường phổ biến thông tin việc làm miễn phí để tăng cơ hội tiếp cận việc làm cho LĐNC. Trong xu thế phát triển công nghệ, cần thiết lập và vận hành kênh thông tin việc làm nhằm kết nối giữa nhà tuyển dụng và người lao động, tương tự như Beetaskee, Jobviec,... nhưng cần đa dạng hóa ngành nghề, bao gồm cả công việc tay nghề, trí óc hơn là đơn thuần công việc phổ

thông như hiện nay.

Xây dựng và thực hiện các chương trình, dự án tương tự như dự án Nâng cao năng lực tìm việc làm cho sinh viên nhập cư giai đoạn 2 phối hợp giữa Trung tâm Dịch vụ việc làm thanh niên Cán Thơ phối hợp với Tổ chức Save the Children International (SCI) nhằm hỗ trợ các kỹ năng tham gia thị trường lao động, kỹ năng nghề nghiệp để LĐNC nắm bắt cơ hội việc làm thành công.

Thiết lập và vận hành kênh đối thoại ở cấp chính quyền và cấp doanh nghiệp về việc làm nhằm tăng cường đối thoại giữa người lao động, người sử dụng lao động và cơ quan pháp luật nhằm giúp chia sẻ thông tin, gắn kết hơn và giảm thiểu tranh chấp lao động, cải thiện điều kiện và môi trường làm việc.

Tổ chức thực hiện có hiệu quả các chương trình, dự án tương tự như dự án Tạo cơ hội việc làm bền vững và cộng đồng an toàn cho nữ thanh niên nhập cư tại Hà Nội nhằm hỗ trợ việc làm bền vững, ưu tiên cho các nhóm lao động nữ nhập cư - nhóm lao động chịu thiệt thòi và dễ gặp rủi ro trong cuộc sống.

Ưu tiên cho vay vốn, ưu đãi thuế, ưu đãi đất trong trường hợp doanh nghiệp có sử dụng và tạo việc làm cho LĐNC, đầu tư xây dựng khu trường học, khu vui

chơi... ưu tiên cho LĐNC,...; hình thành các hợp tác xã góp vốn giữa các LĐNC và xoay vòng vốn cho vay cho các dự án khởi nghiệp được đánh giá là tiềm năng.

VỀ NHÀ Ở

Tăng cường phổ biến thông tin đến người lao động, đặc biệt là nhóm LĐNC về các chính sách ưu đãi, hỗ trợ tạo lập nhà ở nhằm tạo cơ hội tham gia bình đẳng giữa các đối tượng.

Hỗ trợ tạo lập nhà ở cũng làm tăng gánh nặng ngân sách, do đó nhà nước có thể phối hợp cùng doanh nghiệp xây dựng nhà ở với giá bán - cho thuê ưu đãi, đồng thời nhà nước ưu tiên cho vay vốn hay ưu đãi thuế, ưu đãi đất trong trường hợp doanh nghiệp tự đầu tư xây dựng khu lưu trú cho người lao động.

Tăng cường hiệu quả quản lý thị trường nhà cho thuê, giám sát giá cả nhà thuê, bao gồm cả việc thu phí sinh hoạt như điện nước của chủ nhà thuê để bảo vệ lợi ích chính đáng của người lao động khi thuê nhà.

Xây dựng chung cư mini bán hay cho thuê là xu hướng phổ biến hiện nay ở Tp.HCM, do đó nhà nước cần hỗ trợ và tạo điều kiện thuận lợi để các tổ chức tư nhân tự đầu tư xây dựng chung cư mini đảm bảo tiêu chuẩn sinh sống và làm việc cho người lao động.

Với cơ chế tạo điều kiện về việc làm, hỗ trợ xã hội và nhà ở thuận lợi, LĐNC chỉ còn tập trung tích lũy vốn con người để đáp ứng cơ chế sàng lọc của thị trường lao động và thích nghi với cuộc sống ở Tp.HCM, khi đó chất lượng lao động cũng sẽ được nâng cao góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội.

Nghiên cứu làm rõ khía cạnh cuộc sống phản ánh tình trạng của LĐNC và đánh giá tác động trực tiếp và gián tiếp từ tình trạng này đến hòa nhập cuộc sống, kết quả thay đổi thu nhập và trình độ, nỗ lực ở lại của nhằm làm luận cứ xây dựng chính sách khuyến khích tác động tích cực từ LĐNC. Trong giới hạn nguồn lực, nghiên cứu chỉ thực hiện được khảo sát phân tầng theo quận huyện và khảo sát ngẫu nhiên theo đối tượng tiếp cận được, và khái niệm thay đổi trình độ hay đầu tư vốn con người chưa được phản ánh chi tiết rõ ràng như các khái niệm khác.

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

LĐNC: Lao động nhập cư

LĐĐP: Lao động địa phương

Tp.HCM: Thành phố Hồ Chí Minh

CIMI: The Canadian Index for Measuring Integration

IIM: The Immigrant Integration Model

SEM: Structure Equation Modelling

TUYÊN BỐ VỀ XUNG ĐỘT LỢI ÍCH

Nhóm tác giả xin cam đoan rằng không có bất kỳ xung đột lợi ích nào trong công bố bài báo.

TUYÊN BỐ ĐÓNG GÓP CỦA CÁC TÁC GIẢ

Tác giả Nguyễn Hồng Nga và Nguyễn Thị Thu Trang có đóng góp như nhau trong việc thực hiện bài báo nghiên cứu, trong đó tác giả Nguyễn Thị Thu Trang chịu trách nhiệm chính về nội dung toàn bài báo. Tác giả Nguyễn Hồng Nga: xây dựng khung nghiên cứu, cơ sở lý thuyết, tổng quan nghiên cứu; tác giả Nguyễn Thị Thu Trang: xây dựng mô hình nghiên cứu, thu thập và xử lý dữ liệu, viết kết quả nghiên cứu.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bloom DE, David C. The Demographic Dividend: A New Perspective on the Economic Consequences of Population Change. Arlington, RAND. 2003; Available from: <https://doi.org/10.1037/e526392012-001>.
2. Minh NT. Dynamic Demographics and Economic Growth. Centre for Economic and Policy Research. CEPR Working Paper. 2009;.
3. Palanivel T. Định hình tương lai: Nhân khẩu học thay đổi có thể là động lực cho phát triển con người như thế nào. Báo cáo phát triển con người khu vực Châu Á - Thái Bình Dương. 2016;.
4. Tổng Cục Thống kê, Quỹ dân số Liên hợp quốc. Cơ cấu tuổi, giới tính và một số vấn đề kinh tế xã hội ở Việt Nam (Điều tra dân số và nhà ở giữa kỳ 2014). Hà Nội: Nhà xuất bản Thông tấn. 2016a;.
5. Tổng Cục thống kê, Quỹ Dân số Liên hợp quốc. Điều tra dân số và nhà ở giữa kỳ 2014: Di cư và đô thị hóa ở Việt Nam. Hà Nội: Nhà xuất bản Thông Tấn. 2016b;.
6. Tổng Cục Thống kê, Quỹ dân số Liên hợp quốc. Điều tra di cư nội địa quốc gia 2015: Các kết quả chủ yếu. Hà Nội: Nhà xuất bản Thông Tấn. 2016c;.
7. Dương LB, Liêm NT. Từ nông thôn ra thành phố - Tác động kinh tế - xã hội của di cư ở Việt Nam. Hà Nội: Nhà xuất bản Lao động. 2011;.
8. Huy HT. Economic perspectives of internal migration in Vietnam: A focus on the Mekong River Delta region [PhD Thesis]. University of Antwerp. 2012;.
9. Loc ND, et al. Rural - Urban Migration, Household Vulnerability and Welfare in Vietnam. World Development. 2013;.
10. Duong LB, et al. Social Protection for Rural-Urban Migrants in Vietnam: current situation, challenges and opportunities [Research Program on Social Protection in Asia]. Institute for Social Development Studies. 2010;.
11. Ngan DVT, Pincus J. Mobility and The Measurement of Well-Being in Hanoi and Hochiminh City. Retrieved 2017 Sep 15, from Badn Pusat Statistik. 2011;.
12. Loc ND, Grote U, Sharma R. Staying in the cities or returning home? An analysis of the rural-urban migration behavior in Vietnam. Journal of Development and Migration. 2017;7(3). Available from: <https://doi.org/10.1186/s40176-017-0089-z>.
13. Châu NTT. Phân tích một số nhân tố cơ bản tác động đến sự hội nhập xã hội của người dân nhập cư ở Thành phố Hồ Chí Minh [Luận văn]. TpHCM: ĐH Kinh tế TpHCM. 2019;.
14. Christian D, Joseph-Simon G. The Economics of Temporary Migrations. Journal of Economic Literature. 2016;54(1):98-136. Available from: <https://doi.org/10.1257/jel.54.1.98>.
15. European Foundation for the Improvement of Living and Working Conditions. Quality of Life in Europe - First European Quality of Life Survey 2003. Ireland. 2004;.
16. Force GT. Immigrant Integration Model (1st ed.). Gdansk: Gdansk City Hall, Social Development Department. 2016;.
17. The Canadian Institute for Identities and Migration. The Canadian Index for Measuring Integration. Canada: Immigration, Refugees and Citizenship Canada. 2017;.

18. OECD and EU. Settling In 2018: Indicators of Immigrant Integration. Paris/European Union, Brussels: OECD Publishing. 2018;
19. Alastair A, Alison S. Indicators of Integration: Final Report. Edinburgh: Queen Margaret University College, Home Office. 2004;
20. Alastair A, Alison S. Understanding Integration: A Conceptual Framework. *Journal of Refugee Studies*. 2008;p. 21–2. Available from: <https://doi.org/10.1093/jrs/fen016>.
21. Borjas GJ. *Immigration Economics*. London: Harvard University Press. 2014; Available from: <https://doi.org/10.4159/harvard.9780674369900>.
22. Borjas GJ. Assimilation - Changing in cohort Quality, and the Earnings of Immigrants. *Journal of Labor Economics*. 1985;3(4). Available from: <https://doi.org/10.1086/298065>.
23. Peiyuan Q, et al. Depression and associated factors in internal migrant workers in China. *Journal of Affective Disorders*. Elsevier. 2011;134:198–207. PMID: 21705089. Available from: <https://doi.org/10.1016/j.jad.2011.05.043>.
24. Honghao R, Henk F. Determinants of Residential satisfaction in urban China: A Multigroup Structural Equation Analysis. CA: Sage. 2016; Available from: <https://doi.org/10.1177/0042098015627112>.
25. Lân CT. Chất lượng việc làm của người lao động trong khu vực phi chính thức ở Hà Nội. *Tạp chí Phát triển bền vững vùng*. 2016;1:25–34.
26. Zhilin L, et al. Does formal housing encourage settlement intention of rural migrants in Chinese cities. A structural equation model analysis. CA: Sage. 2016; Available from: <https://doi.org/10.1177/0042098016634979>.
27. Gerbing WD, Anderson JC. An updated paradigm for scale development incorporating unidimensionality and its assessment. *Journal of Marketing Research*. 1988;25(2). Available from: <https://doi.org/10.2307/3172650>.
28. Hair JF, et al. *Multivariate data analysis: a global perspective*. New Jersey: Pearson Prentice Hall. 2014;
29. Nunnally JC, Burnstein IH. *Psychometric Theory*. New York: McGraw - Hill. 1994;
30. Uyên NLHTT. *Vốn xã hội và sức khỏe của lao động di cư đến Thành phố Hồ Chí Minh [Luận án Tiến sĩ]*. TpHCM: ĐH Kinh tế TpHCM. 2017;
31. Baumgartner H, Homburg C. *Applications of Structural Equation Modeling in Marketing and Consumer Research: A Review*. *International Research of Marketing*. 1996;13(2). Available from: [https://doi.org/10.1016/0167-8116\(95\)00038-0](https://doi.org/10.1016/0167-8116(95)00038-0).
32. Hu LT, Bentler PM. Evaluating model fit. In Hoyle RH (ed.). *Structural equation modeling: Concepts, issues, and applications*. Thousand Oaks, CA: Sage. 1995;